| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN QUẢNG NINH**<br>**TỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 23/2018/QĐST-HNGĐ | *Quảng Ninh, ngày 26 tháng 4 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 82/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị U, sinh năm 1978;
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Dương Viết T;
Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình,

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N;
Địa chỉ: Số X, Đường T, khu đô thị M, T, Hà Nội;
Người đại diện theo pháp luật: Ông: Trịnh Ngọc K – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang Đ – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên;
Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55; 59; 60; 62; 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 275, Điều 280; Điều 367, Điều 466; 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2018.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị U và anh Nguyễn Văn G.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Chị Lê Thị U và anh Nguyễn Văn G thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 30/5/2011và Nguyễn Bảo C, sinh ngày 10/3/2017. Hai bên thỏa thuận giao con Nguyễn Bảo C cho chị U trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Thị Yến V cho anh G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Hai bên đều có nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con; nghĩa vụ và quyền của người trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung*:

+ Về tài sản chung: Chị Lê Thị U và anh Nguyễn Văn G thống nhất, thỏa thuận: Giao cho anh G toàn bộ quyền sử dụng đất 200m$^2$ đất ở tại thửa đất số C; Tờ bản đồ số 9 tại thôn H, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI D do UBND huyện Q cấp ngày 14/3/2008, có giá trị 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Giao cho anh G quyền sở hữu toàn bộ nhà cấp 4 (nhà chính) diện tích 59,2m$^2$, có giá trị 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), 01 nhà bếp (công trình phụ) diện tích 26,5m$^2$, có giá trị 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Anh G có nghĩa vụ giao tiền chênh lệch tài sản cho chị U là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn giao tiền cuối cùng là ngày 31/12/2018. Chị U được nhận tiền chênh lệch tài sản từ anh G giao là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

+ Về nợ chung:

Nợ cá nhân: Chị Lê Thị U và anh Nguyễn Văn G thống nhất, thỏa thuận: Giao cho chị U có trách nhiệm trả số nợ cho người khác (chị em của chị U) là 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng).

Nợ Ngân hàng N: Chị Lê Thị U, anh Nguyễn Văn G và ông Lê Quang Đ, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N thống nhất, thỏa thuận: Anh Nguyễn Văn G có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số E-LAV-201701768, lập ngày 17/7/2017 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Q, tỉnh Quảng Bình - Phòng giao dịch D và chị Lê Thị U.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chị Lê Thị U và anh Nguyễn Văn G thống nhất, thỏa thuận:

+ Chị Lê Thị U chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng; chịu án phí đối với giá trị tài sản được chia (150.000.000 đồng) là 3.750.000 đồng; chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thanh toán trả nợ cho người khác (62.000.000 đồng) là

1.550.000 đồng. Số tiền án phí chị U phải nộp được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 3.600.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2015 $N^0$ 0001058, ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Quảng Bình; chị U phải nộp tiếp tiền án phí là 1.850.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Văn G chịu án phí đối với giá trị tài sản được chia (100.000.000 đồng) là 2.500.000 đồng;

Chị Lê Thị U, anh Nguyễn Văn Giáp và ông Lê Quang Đ thống nhất, thỏa thuận: Anh Nguyễn Văn G chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng N (40.000.000 đồng) là 1.000.000 đồng.

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật; người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Q.Ninh;
- Chi cục THADS huyện Q;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**
*(Đã ký)*

**Nguyễn Mậu Đảo**